

Bản án số: 288/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2022
Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Nguyệt Ánh;
2. Ông Nguyễn Như Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 450/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 22/4/2022 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thu L sinh năm 1988; địa chỉ: đường A, Khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Bà Từ Phương H sinh năm 1990; địa chỉ: đường C, Khu phố D, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2021, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Thu L trình bày:

Ông và bà Từ Phương H qua thời gian tìm hiểu được 4 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/2015), vợ chồng sống H phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì cả hai có nhiều mâu thuẫn tranh cãi không hòa hợp được, bà H chơi cờ bạc. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Từ Phương H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với bà Từ Phương H.

- Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 01 con chung, họ tên là Nguyễn Nam S (Nam), sinh ngày 30/01/2016;

Sau khi ly hôn giao bà Từ Phương H sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Nam S (Nam), sinh ngày 30/01/2016. Ông L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung.

Ông cam kết việc ly hôn của ông không nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý nào và ông chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bị đơn – bà Từ Phương H vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bà Từ Phương H không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn – bà Từ Phương H mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - ông Nguyễn Thu L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Từ Phương H và bị đơn cư trú tại Quận 7 nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn – bà Từ Phương H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về các yêu cầu của ông L, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ông Nguyễn Thu L và bà Từ Phương H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/12/2015) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua các tài liệu chứng cứ ông L cung cấp, cùng lời trình bày của ông L trong quá trình giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thu L có yêu cầu xin ly hôn với bà Từ Phương H, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi đăng ký kết hôn, trong quá trình xây dựng cuộc sống chung vợ chồng do cả hai bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến không thể cùng nhau xây dựng được cuộc sống hôn nhân thực tế và hiện cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng của mình. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà Từ Phương H không đến Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn để cùng nhau hàn gắn tình cảm, quan hệ hôn nhân. Theo kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ phường Bình Thuận, Quận 7 thì: “Bà Từ Phương H sinh năm 1990; địa chỉ số 9 đường số 8 Lý Phục Man, Khu phố 3, phường Bình Thuận; Ông Nguyễn Thu L sinh năm 1988; địa chỉ: 1549/22/3 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 1, phường Phú Mỹ; Ông L và bà H đã ly thân từ tháng 1 năm 2020, có 01 con chung 6 tuổi đang ở với mẹ. Bà H muốn ly hôn để sớm ổn định cuộc sống và không cần chu cấp hàng tháng”. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng ông L và bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Trích lục khai sinh số 60/TLKS-BS ngày 17/02/2016 (Giấy khai sinh số 32 đăng ký ngày 16/02/2016) tại Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời thừa nhận của ông Nguyễn Thu L đã có đủ cơ sở để kết luận: Ông Nguyễn Thu L và bà Từ Phương H có 01 (một) con chung họ và tên: Nguyễn Nam S (Nam), sinh ngày 30/01/2016.

Ông Nguyễn Thu L yêu cầu sau khi ly hôn, giao trẻ Nguyễn Nam S (Nam), sinh ngày 30/01/2016 cho bà Từ Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu này của ông L là tự nguyện, phù hợp với các quy

định pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển ổn định của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L.

Ông Nguyễn Thu L được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thu L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thu L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Từ Phương H.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thu L được ly hôn với bà Từ Phương H (Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/12/2015).

2.2. Về con chung:

Ông Nguyễn Thu L và bà Từ Phương H có 01 (một) con chung họ và tên: Nguyễn Nam S (Nam), sinh ngày 30/01/2016.

Giao trẻ Nguyễn Nam S (Nam), sinh ngày 30/01/2016 cho bà Từ Phương H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thu L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thu L được quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Tài sản chung và nợ chung: Không có.

1.4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Thu L phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013718 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy ông L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn - ông Nguyễn Thu L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn – bà Từ Phương H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường C, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (tk Thu)

Trần Thị Xuân Duyên